

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**THÔNG TƯ số 15/2002/TT-BLĐTBXH
ngày 23/10/2002 hướng dẫn về
chính sách đối với người lao động
khi chuyển doanh nghiệp nhà
nước thành công ty cổ phần theo
Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày
19/6/2002.**

Thi hành Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần; sau khi có ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan và ý kiến của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về chính sách đối với người lao động khi chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này được áp dụng đối với người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp nhà nước và các đơn vị phụ thuộc doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa theo Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19/6/2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là Nghị định số 64/2002/NĐ-CP).

2. Việc kế thừa mọi nghĩa vụ đối với người lao động theo khoản 1 Điều 7 của Nghị định số 64/2002/NĐ-CP là kế thừa toàn bộ những nội dung đã giao kết trong hợp đồng lao động giữa người sử dụng lao động với người lao động trước khi chuyển sang công ty cổ phần.

3. Thời gian được tính để chia số dư Quỹ Khen thưởng, Quỹ Phúc lợi bằng tiền theo quy định tại Điều 14 và tài sản dùng cho sản xuất kinh doanh đầu tư bằng nguồn Quỹ Khen thưởng, Quỹ Phúc lợi theo quy định tại khoản 4

Điều 9 của Nghị định số 64/2002/NĐ-CP là thời gian thực tế kể từ khi người lao động làm việc trong doanh nghiệp đó cho đến thời điểm doanh nghiệp có quyết định cổ phần hóa.

4. Người lao động được mua cổ phần ưu đãi theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Nghị định số 64/2002/NĐ-CP là người có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa, bao gồm: lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn; lao động làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 1 năm đến 3 năm, kể cả người đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, chờ việc theo quyết định của Giám đốc doanh nghiệp; công nhân viên chức được tuyển dụng vào làm việc trước ngày 30 tháng 8 năm 1990 (thời điểm có hiệu lực thi hành Pháp lệnh Hợp đồng lao động) mà chưa chuyển sang ký hợp đồng lao động. Đối với các đối tượng này, thời gian được tính để được mua cổ phần theo giá ưu đãi là tổng thời gian đã làm việc thực tế trong doanh nghiệp nhà nước, cơ quan, đơn vị thuộc khu vực nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang (được hưởng lương từ ngân sách nhà nước) kể cả thời gian người lao động đã nhận trợ cấp mất việc, thôi việc, hưởng chế độ xuất ngũ hoặc phục viên.

5. Người lao động nghèo được hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Nghị định số 64/2002/NĐ-CP được quy định như sau:

- Người lao động nghèo là người có thu nhập bình quân đầu người trong gia đình thấp, do Giám đốc doanh nghiệp phối hợp với Đảng ủy, công đoàn và Ban Đối mới và Phát triển doanh nghiệp của doanh nghiệp xác định.

- Thu nhập bình quân đầu người trong gia đình được tính trên cơ sở các khoản thu nhập bao gồm tiền lương, tiền thưởng, các khoản phụ cấp lương đối với người lao động làm công ăn lương, thu nhập chính từ lao động của các thành viên trong gia đình làm việc ở các thành phần kinh tế chia cho số người trong gia đình (vợ hoặc chồng, con và những người khác phải trực tiếp nuôi dưỡng).

- Số người lao động nghèo trong doanh nghiệp được xác định theo thứ tự thu nhập (từ thấp đến cao) phải được Hội nghị công nhân viên chức (đại

www.ThuVienPhapLuat.vn
Tel: +84-28-3930 3279

biểu hoặc toàn thể) tán thành theo nguyên tắc đa số, quá bán số người dự họp và thông báo công khai trong toàn doanh nghiệp; đồng thời phải bảo đảm giá trị cổ phần dành cho người lao động nghèo không vượt quá 20% tổng số cổ phần nhà nước bán theo giá ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 64/2002/NĐ-CP và được đưa vào phương án cổ phần hóa doanh nghiệp.

- Không được dùng số cổ phần dành cho lao động nghèo theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Nghị định số 64/2002/NĐ-CP để chia đều cho mọi người trong doanh nghiệp.

6. Thời gian làm việc để hưởng trợ cấp mất việc làm, trợ cấp thôi việc theo khoản 5 Điều 27 của Nghị định số 64/2002/NĐ-CP là tổng thời gian người lao động thực tế làm việc tại doanh nghiệp nhà nước, cơ quan đơn vị thuộc khu vực nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang được hưởng lương từ nguồn ngân sách nhà nước (trừ thời gian người lao động đã nhận trợ cấp mất việc làm, trợ cấp thôi việc, hưởng chế độ xuất ngũ hoặc phục viên).

Tổng thời gian làm việc có tháng lẻ được quy định như sau:

- Dưới 1 tháng không được tính.
- Từ 1 tháng đến dưới 7 tháng được tính bằng 6 tháng làm việc.
- Từ đủ 7 tháng đến đủ 12 tháng được tính bằng 1 năm làm việc.

7. Thời điểm cổ phần hóa là thời điểm có quyết định cho doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa của cấp có thẩm quyền.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

A. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI THỜI ĐIỂM DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC CHUYỂN THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN

Khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền

về việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, Giám đốc doanh nghiệp nhà nước cùng Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp của doanh nghiệp lập phương án về lao động (trong phương án cổ phần hóa) và giải quyết chính sách đối với người lao động, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 30 của Nghị định số 64/2002/NĐ-CP và giải quyết chế độ cho người lao động theo quy định sau:

1. Lập phương án lao động theo trình tự sau:

a) Lập danh sách lao động có tên trong danh sách của doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa theo biểu Mẫu số 1* kèm theo Thông tư này.

b) Lập danh sách lao động thuộc diện nghỉ hưu theo chế độ hưu trí;

c) Lập danh sách lao động hết hạn hợp đồng lao động tại thời điểm cổ phần hóa;

d) Lập danh sách lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm cổ phần hóa thuộc diện sẽ chấm dứt hợp đồng lao động. Trong đó có cả danh sách lao động dôi dư theo Nghị định số 41/2002/NĐ-CP ngày 11/4/2002 về chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước và Thông tư số 11/2002/TT-BLĐTBXH ngày 12/6/2002 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn Nghị định số 41/2002/NĐ-CP nói trên;

đ) Lập danh sách lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần, bao gồm:

- Số lao động mà hợp đồng lao động đang còn thời hạn;

- Số lao động đang nghỉ theo 3 chế độ bảo hiểm xã hội (ốm đau; thai sản; tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp) mà hợp đồng lao động đang còn thời hạn;

- Số lao động có điều kiện về tuổi đời, sức khỏe thuộc diện đi đào tạo lại nghề để tiếp tục làm việc ở công ty cổ phần;

e) Danh sách lao động từ tiết b đến tiết đ trên

đây do doanh nghiệp tự lập và tổng hợp vào phương án lao động theo biểu Mẫu số 2* kèm theo Thông tư này.

2. Giải quyết chính sách đối với người lao động:

a) Đối với người lao động thuộc diện nghỉ theo chế độ hưu trí quy định tại tiết b điểm 1 Mục A Phần II của Thông tư này thì Giám đốc doanh nghiệp và cơ quan bảo hiểm xã hội nơi doanh nghiệp đóng bảo hiểm xã hội (gọi tắt là cơ quan bảo hiểm xã hội) giải quyết mọi quyền lợi về bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định hiện hành.

b) Các trường hợp hết hạn hợp đồng lao động theo tiết c điểm 1 Mục A Phần II thì Giám đốc doanh nghiệp nhà nước giải quyết chế độ trợ cấp thôi việc cho người lao động theo quy định tại Điều 42 Bộ Luật Lao động và có trách nhiệm làm đầy đủ các thủ tục để cơ quan bảo hiểm xã hội giải quyết quyền lợi về bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định hiện hành.

c) Đối với số lao động không bố trí được việc làm theo quy định tại tiết d điểm 1 Mục A Phần II thì giải quyết như sau:

c1) Đối với doanh nghiệp nhà nước có quyết định cổ phần hóa từ ngày 31 tháng 12 năm 2005 trở về trước:

+ Người lao động dôi dư thuộc đối tượng quy định tại Nghị định số 41/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 4 năm 2002 về chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước thì được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định này và Thông tư số 11/2002/TT-BLĐTBXH ngày 12/6/2002 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn Nghị định số 41/2002/NĐ-CP nói trên;

+ Người lao động không thuộc đối tượng của Nghị định số 41/2002/NĐ-CP thì được hưởng các chế độ theo quy định của pháp luật lao động hiện hành. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước hỗ trợ kinh phí để giải quyết trợ

cấp mất việc làm, thôi việc theo quy định của Bộ Tài chính.

c2) Đối với doanh nghiệp nhà nước có quyết định cổ phần hóa sau ngày 31 tháng 12 năm 2005, các quyền lợi của người lao động không bố trí được việc làm được giải quyết theo quy định của pháp luật lao động hiện hành.

d) Đối với người lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần theo tiết d điểm 1 Mục A Phần II thì các doanh nghiệp có trách nhiệm lập danh sách và làm thủ tục để cơ quan bảo hiểm xã hội tiếp tục thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội và cấp sổ bảo hiểm xã hội (nếu chưa cấp sổ) theo quy định và chuyển danh sách cùng hồ sơ của người lao động mà doanh nghiệp đang quản lý cho Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc công ty cổ phần.

đ) Doanh nghiệp có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ về bảo hiểm xã hội đối với cơ quan bảo hiểm xã hội và thanh toán các khoản nợ với người lao động trước khi chuyển sang công ty cổ phần hoặc chấm dứt hợp đồng lao động.

B. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG KHI DOANH NGHIỆP ĐÃ CHUYỂN THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN

1. Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc công ty cổ phần có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận số lao động quy định tại tiết d điểm 1 Mục A Phần II của Thông tư này.

b) Tiếp tục thực hiện những cam kết trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể đã được ký kết trước đó với người lao động theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Tổ chức đào tạo lại nghề cho người lao động thuộc diện đào tạo lại nghề để tiếp tục làm việc ở công ty cổ phần.

d) Đối với những người lao động mà công ty cổ phần tuyển dụng mới thì thực hiện theo quy định của pháp luật lao động hiện hành.

2. Chính sách đối với người lao động mất việc làm:

2.1. Người lao động mất việc làm trong 12 tháng kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp do thực hiện cơ cấu lại theo điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị định số 64/2002/NĐ-CP được giải quyết như sau:

a) Đối với người lao động bị mất việc làm từ ngày 31 tháng 12 năm 2005 trở về trước:

- Người lao động thuộc đối tượng quy định tại Nghị định số 41/2002/NĐ-CP ngày 11/4/2002 của Chính phủ về chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước thì được hưởng chính sách đối với lao động dôi dư được quy định cụ thể tại Nghị định số 41/CP và Thông tư số 11/2002/TT-BLĐTBXH ngày 12/6/2002 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Chính sách này được áp dụng cho cả người lao động được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo Nghị định số 44/CP ngày 29/6/1998 nếu đủ điều kiện quy định tại Nghị định số 41/2002/NĐ-CP. Nguồn chi trả các chính sách này do Quỹ Hỗ trợ lao động dôi dư hỗ trợ.

- Các đối tượng lao động còn lại được hưởng trợ cấp mất việc, thôi việc theo quy định của pháp luật lao động hiện hành và được Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước hỗ trợ.

b) Đối với người lao động bị mất việc làm sau ngày 31 tháng 12 năm 2005:

Trong 12 tháng kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nếu do nhu cầu tổ chức lại sản xuất kinh doanh, thay đổi công nghệ dẫn đến người lao động từ doanh nghiệp nhà nước chuyển sang bị mất việc làm, hoặc thôi việc, kể cả người lao động tự nguyện thôi việc, thì người lao động mất việc được giải quyết trợ cấp mất việc làm theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ Luật Lao động; thôi việc được trợ cấp theo khoản 1 Điều 42 Bộ Luật Lao động.

Nguồn chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc do

Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước hỗ trợ theo quy định của Bộ Tài chính.

2.2. Trường hợp người lao động bị mất việc làm, thôi việc trong thời gian từ năm thứ 2 đến hết năm thứ 5 kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì công ty cổ phần có trách nhiệm thanh toán 50% tổng mức trợ cấp theo quy định của Bộ Luật Lao động, số còn lại được Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước thanh toán.

Từ năm thứ 6 trở đi công ty cổ phần có trách nhiệm thanh toán toàn bộ trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động kể cả thời gian trước đó người lao động đã làm việc cho khu vực nhà nước.

3. Chính sách đối với người lao động thuộc diện đào tạo lại nghề để tiếp tục làm việc ở công ty cổ phần:

a) Trong thời gian đào tạo lại nghề, công ty cổ phần tiếp tục trả lương cho người lao động theo mức do hai bên thỏa thuận nhưng không được thấp hơn 70% mức lương ghi trong hợp đồng lao động đã được ký kết. Trường hợp 70% mức lương ghi trong hợp đồng lao động mà thấp hơn mức lương tối thiểu chung do Chính phủ quy định thì trả bằng mức lương tối thiểu đó.

b) Công ty cổ phần tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động trong thời gian đào tạo nghề theo quy định hiện hành (theo mức lương thỏa thuận ghi trong hợp đồng học nghề).

c) Thủ tục về hợp đồng học nghề thực hiện theo quy định hiện hành.

d) Sau thời gian đào tạo nghề công ty cổ phần có trách nhiệm bố trí việc làm cho người lao động.

đ) Kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc doanh nghiệp nhà nước cùng Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp của doanh

ngành có trách nhiệm: xây dựng phương án sắp xếp lao động, xác định số lao động tối đa cần thiết theo yêu cầu của sản xuất kinh doanh, xác định số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm có quyết định cổ phần hóa trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và giải quyết các chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật;

Sau 10 ngày kể từ ngày giải quyết xong các chính sách đối với người lao động, Giám đốc doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm báo cáo cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có trụ sở chính của doanh nghiệp; công đoàn ngành, cơ quan bảo hiểm xã hội nơi doanh nghiệp đóng bảo hiểm xã hội về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần để phối hợp xem xét, giải quyết quyền lợi cho người lao động.

2. Cơ quan bảo hiểm xã hội nơi doanh nghiệp đóng bảo hiểm xã hội có trách nhiệm thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội đối với người lao động trước và sau khi cổ phần hóa doanh nghiệp theo quy định của Nhà nước.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp của các Bộ, ngành, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Tổng công ty 91 có trách nhiệm phối hợp với Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện những quy định của Nghị định số 64/2002/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan đối với người lao động và tổng hợp tình hình báo cáo về Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp (Văn phòng Chính phủ), Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính.

4. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định số 64/2002/NĐ-CP có hiệu lực và thay thế Thông tư số 11/1998/TT-BLĐTBXH ngày 21/8/1998 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chính sách đối với người lao động khi chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần, Thông tư số 03/1999/TT-BLĐTBXH ngày 09/1/1999 sửa chuẩn nghèo trong Thông tư số 11/1998/TT-BLĐTBXH.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu giải quyết./.

Bộ trưởng

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

NGUYỄN THỊ HẰNG

(*) Không in biểu mẫu.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

QUYẾT ĐỊNH số 83/2002/QĐ-BNN-HTQT
ngày 23/9/2002 phê duyệt Dự án
Hỗ trợ kỹ thuật để chuẩn bị Dự
án Giảm nhẹ thiên tai vay vốn
của Ngân hàng Thế giới.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 01/11/1995 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 17/2001/NĐ-CP ngày 04/5/2001 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA);

Căn cứ vào Văn bản số 2170/VPCP-QHQT ngày 25/4/2002 và Văn bản số 5211/VPCP-QHQT ngày 19/9/2002 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận và thực hiện khoản hỗ trợ kỹ thuật không hoàn lại để chuẩn bị Dự án Giảm nhẹ thiên tai nhằm vay vốn của Ngân hàng Thế giới (WB),